

PHẦN MƯỜI MỘT

Mồng 8 tháng sáu, Giả vương rời khỏi Nam Xương (thuộc tỉnh Giang Tây). Qua ngày 15 tháng ấy, Giả Vương được thưởng cái thú trắng rằm ở Hoàng Cương thuộc tỉnh Hồ Bắc.

Vũ Xương, một địa điểm sẽ ghi bằng chữ vàng trên trang lịch sử Trung Hoa sau này. Vì chính tại đó, Hoàng Hưng kéo cờ nghĩa, thực hành công cuộc quang phục giữa năm Tân Hợi (1911). Chẳng dè trước đây hơn một trăm năm, Giả Vương Việt Nam đã được hưởng cái thù phụng sung sướng ở đất ấy (ngày 16, tháng 6, năm Canh Tuất, 1790).

Ngày 24 tháng sáu, hoa cỏ Hứa Châu (cách Nhiệt Hà hơn 2.100 dặm) đón chào Giả Vương và sứ bộ Việt.

Để tỏ tình thân mật và ý trọng đãi khách quý, vua Thanh sai chạy ngựa trạm đưa đến 5 quả vải (lê chi ngũ cá) tươi mới : tặng Giả Vương hai, Ngô Văn Sở một, còn hai quả thì phần Phúc Khang An. Cái ý ân cần trọng của vua Thanh tỏ rõ trong lời dặn Phúc Khang An nói với Giả Vương: *“Vải sản ở phương Nam, chắc An Nam cũng có của này, tưởng không quý mấy. Nhưng ở kinh đô bên này (Thanh) không hề có vải, mỗi năm phải do Mân Nam dâng tiến, nên rất quý. Trừ phi bậc vương công đại thần thì không được hưởng cái ơn khác thường ấy. Nay đặc cách cho chạy trạm đem đến ban thưởng (bưu thưởng) thật là một thứ ơn ban ngoài lệ thường. Lại nghĩ Ngô Văn Sở là bầy tôi thân tín và đặc lực của Quốc Vương, chuyến này Sở lại nài xin mấy lần để cùng đi chiêm cận: đáng khen tâm lòng thành đó ! Vậy nên Sở cũng được hưởng cái ân thưởng này”*.



Phái bộ Việt ngày mồng một tháng bảy, đặt chân trên đất Từ Châu thuộc tỉnh Trực Lệ. Giả Vương cùng các nhân viên tùy tùng, khi sắp tới kinh đô nhà Thanh, đã thấy Đức Minh, thị lang bộ lễ, thân đón tiếp ở tận Lương Hương.

Rồi Giả Vương dùng trà do vua Thanh từ trước đã sai Kim Giản cất trà phòng thị vệ theo Đức Minh đến chực sẵn để dâng tiến.

Để tỏ ý ưu đãi khác thường, vua Kiền Long, khi tiếp Giả Vương ở hành cung Nhiệt Hà, cho làm lễ “bảo kiến, thỉnh an” trong một bầu không khí cực êm đềm thân mật. Lễ đó, theo như lời dụ của vua Thanh, chỉ những ai trong bọn đại thần có nhiều huân lớn, công to mới được dùng.

Đến Nhiệt Hà, Giả Vương được vua Thanh ân cần tiếp đãi và ban tặng bài thơ, đại ý nói : “Năm trước phải đem binh sang Nam, là cốt khôi phục cho nhà Lê. Nhưng nhà Lê đã đến lúc không được trời tựa, nên phải phong cho họ Nguyễn (Tây Sơn), vì Nguyễn đã quy phục thật tình. Rồi tác giả bài thơ ấy trịnh trọng khuyên “Phải nên giữ gìn lấy đất nước, đừng để họ khác nổi lên. Dặn con cháu phải nên dốc một lòng thần phục Đại Thanh. Lúc nào cũng nên kính cẩn nơm nớp như cầm bát nước đầy. Như vậy mới được tắm gội ơn trời và hưởng phúc lâu dài”.⁽¹⁾

SỨ BỘ QUAY VỀ VỚI VINH DỰ

¹ Bài thơ nguyên văn chữ Hán có chép trong Hoa trình tùy bộ tập của Vũ Huy Tấn.

Mồng bốn tháng mười, Sứ bộ quay về đến tỉnh thành Hồ Nam. Khi thấy Trần Dụng Phu, một viên quan nhà Thanh, tâu trình về việc Quốc Vương nước Nam từ khi ngồi thuyền thì sự phục thực khởi cư có phần thuận tiện thỏa thích và tinh thần lại càng sáng kiện hơn lúc đi trên đường bộ, vua Thanh lấy làm mừng rỡ lắm ⁽¹⁾.

Hằng năm, vua Thanh vẫn thân viết chữ “Phúc” ban cho các vương, công đại thần và các đốc, phủ các tỉnh để làm quà mừng xuân mới.

Nay vua Thanh muốn tặng món quà ấy cho Quốc vương nước Nam, nhưng sợ đến mồng một tháng chạp mới thử bút rồi viết đưa cho thi, khi Quốc vương nhận được, đã qua tết Nguyên đán mất rồi ! Vì vậy, vua Thanh phải đặc cách viết trước khiến cho Quốc Vương nhận được ngay từ trong năm để đến sang giêng năm mới treo chơi trong dịp tân xuân.

Để tiễn gót Quốc Vương về nước, Trần Dụng Phu hộ tống suốt dọc đường. Khi về đến Nam Quan đã là ngày 29 tháng 11. Bấy giờ mới cùng nhau từ biệt. Lúc đó đã gần ngày lễ Gia binh, tức là ngày lễ Chạp. Vua Thanh, ngoài chữ “Phúc” nói trên, lại chính tay viết chữ “Thọ” để tặng Quốc vương làm quà tốt lành trong tiết xuân mới⁽²⁾. Đồng thời còn tặng thêm những quà như :

Một hộp các trái cây đã làm thành mứt để dùng ở dọc đường (nhưng dặn không cần phải viết biểu tạ ơn).

Một đôi hà bao lớn trong đựng đồ bát bảo bằng các thứ ngọc thạch các màu sắc.

¹ Đông Hoa toàn lục quyển 112, tờ 19.

² Đông Hoa toàn lục quyển 112, tờ 33a.

Vua Thanh lại tự viết để tặng Quốc vương bốn chữ đại tự “Củng cực quy thành”⁽¹⁾ và đôi câu đối :

Chúc hồ hiệu tôn thân, vĩnh thi đan thâm tri phát thế⁽²⁾

Cận quang ung sủng tích, tái kê thanh sử vị tiền văn⁽³⁾

Ngày 11 tháng 7 năm canh tuất (1790), khi Giả Vương bệ kiến ở hành cung Nhiệt Hà, vua Kiền Long có tặng một bài thơ do nhà vua tự làm lấy :

Doanh phiên nhập chúc, trị thi tuần,

Sơ kiến, hồn như cự thức thân.

Y cổ vị văn lai Tượng quốc,

Thắng triều vãng sự bỉ kim nhân.

Cửu kinh nhu viễn chi trùng dịch

Gia hội ư kim miễn thể nhân.

Võ yển, văn tu, thuận Thiên đạo

Đại Thanh tộ vĩnh vạn thiên xuân...⁽⁴⁾

¹ Triều công sao Bắc Thần, thật lòng theo về với.

² Sang chúc phúc, tỏ ý hết lòng tôn thân, ghi tạc vào lòng son lâu dài không bỏ.

³ Thân đi triều cận, được ban ân sủng, xét suốt sử xanh trước giữ chưa hề thấy có sự ưu đãi như thế.

⁴ Nước phiên ngoài biển vào chúc phúc, gặp lúc ta đương đi tuần trú phải thì. – Mới gặp nhau lần đầu mà thân mật y như quen biết đã lâu. – Từ xưa chưa nghe nói chính vua nước Nam thân đến triều cận bao giờ. – Nhà Thanh cho việc triều trước đã bị diệt (thắng triều) đòi cống người vàng là đáng bỉ. – Đạo võ về người

Giả Vương bảo Phan Huy Ích họa lại bài ấy để đáp vua Thanh :

Thượng tái cung chiêm ngọc lộ tuần,

Khuynh quỳ nhất niệm hiện tôn thân.

Ba trùng Quế hải tuân hầu độ.

Nhật noãn minh giai kiến thánh nhân.

Vạn lý thê hàng qui hữu cực,

Cửu thiên vũ lộ mộc đồng nhân,

Kiên hành cảnh ngưỡng vô cương thọ,

Phổ suốt tư đào đế thế xuân.⁽¹⁾

Bài họa vắn ấy dâng lên, được vua Thanh châu phê khen rằng : “Thi điệt gia thỏa” (thơ cũng hay và êm).

xa (như viễn nhân) là một trong chín đạo thường (cửu kính) làm việc quốc gia thiên hạ. Nhà Thanh rất kính trọng sự thông sứ. – Gặp vận hội gia hanh như ngày nay, nước Nam nên cố gắng thể theo lòng nhân của ta – Thuận theo đạo Trời, ta xếp việc võ, sửa việc văn. – Tội vận nhà Đại Thanh lâu dài hàng muôn nghìn xuân.

¹ Lên nơi quan tái, sang triều cận, gặp lúc nhà vua ngự xe ngọc lộ đi tuần thú – Tác lòng tôn thần của chúng tôi thành thật như cây quỳ hướng về phía mặt trời. – Bè Quế (chỉ bóng nước Nam) được lặng sóng (nghĩa là thái bình), chúng tôi giữ theo cái pháp độ làm một nước chư hầu. – Chúng tôi được thấy thánh nhân, khi đến chỗ thềm mộc cỏ minh giáp (thứ cỏ báo điềm lành) dưới bóng mặt trời âm áp... Muôn dặm trèo non vượt biển để quy phụ nhà vua. – Mưa móc xuống từ chín tầng trời, cây cỏ được tắm gội trong bầu “nhất thị đồng nhận” (lòng nhân coi muôn vật đều đáng thương cả)... Ngửa thấy nhà vua thể theo tượng Kiền (Trời), vận hàng không nghĩ, ngài tất hưởng thọ vô cùng... Khắp dưới gầm trời suốt đến bãi biển, đâu đâu cũng được hả hê trong bóng xuân của đời Đế.

Giả Vương còn được tặng tiền rất hậu :

Bốn đôi hà bao nhỏ trong đựng đồ bát bảo bằng vàng và bằng bạc.

Một cái hà bao trong chứa bốn đồng kim ngân tiền và bốn thứ đồ đẹp bằng vàng bạc.

Áo mặc, đồ dùng, một vạn lạng bạc và các đồ thượng phương trân ngoạn (đồ quý báu của nhà vua chơi).

Khi Giả Vương vào bệ kiến xin từ biệt, vua Thanh muốn tỏ tình ân cần thân thiết, bèn mời vào bên giường ngự, lấy tay vỗ vai Giả Vương, vỗ về yên ủi ôn tồn. Lại sai họa công vẽ một bức chân dung đưa tặng để làm kỷ niệm.

Sứ bộ ra đi từ cuối xuân canh tuất (1790) ; đến 29 tháng 11 năm ấy thì về nước.

Những cuộc tiếp đón và tiễn đưa đã làm triều Thanh mất ngót một năm bận rộn. Sứ giả Mãn Thanh, do vua Kiền Long sai phái, trong dịp có thượng khách này, tấp nập đi lại, náo nhiệt ở dọc đường.

Cho nên Đoàn Nguyễn Tuấn một người trong Sứ bộ hồi ấy, đã viết bằng giọng đặc thủng ở cuối cuốn Tinh sa kỷ hành ⁽¹⁾ của Phan Huy Ích, một tập thơ kỹ thuật chuyên đi sứ này, rằng : “... *Thị hành dã, Đại Hoàng đế cách Đốc Thần bạn Tống. Chu xa tinh kỳ diệu nhân nhĩ mục. Sở chỉ quan lại bôn tẩu nghinh phá. Thu, để Nhiệt Hà hành hung ; phục tông Giá*

¹ In mộc bản năm canh thân (1800) đời Cảnh Thịnh (1793-1800)... Bảo Chân quán tàng bản.

hồn Yên Kinh, chi Tây Uyển. Liên tuần tiến yết, thiên sủng ưu dị. Tòng lai ngô quốc sứ Hoa vị hữu như thử chi kỳ thả vinh giả !... ”⁽¹⁾

Nghĩa là : “... Chuyển đi này được nhà vua (Thanh) đặc cách cho quan tổng đốc (Thanh) đi bạn tống. Thuyền, xe, cò, quạt quáng cả tai mắt người ta. Đi tới đâu, quan lại phải bôn tẩu đón tiếp đến đó. Mùa thu (năm canh tuất, 1790) đến hành cung ở Nhiệt Hà ; lại theo xa giá (vua Thanh) về Yên Kinh, đi Tây Uyển. Luôn luôn tiến yết hàng tuần, được ơn trời ân yếm ưu đãi khác thường. Trước giờ, người mình đi sứ Tàu chưa có lần nào lạ lùng và vẻ vang như vậy...”.



¹ Tinh sa kỳ hành, tờ 39.

GIÚP THANH ĐÁNH DỆP GIẶC CƯỚP

Phạm Quang Chương làm đồn tướng dưới triều Quang Trung, ngày 11, tháng 7, năm canh tuất (1790), đi tuần trên mặt biển gặp một chiếc thuyền của bọn Trần Triều Cầu là thuyền bộ ở huyện Tuy Khê tỉnh Quảng Đông bị cướp biển bóc lột. Chương bèn đánh giết bọn cướp, thu lại được chiếc thuyền ấy cho Triều Cầu.

Bấy giờ Giả Vương nước Nam đang ở bên Thanh, vua Kiền Long lấy làm khen ngợi về việc này lắm. Kiền Long sai thưởng cho Chương hai tám đoạn lớn nhưng bắt giao tận nơi Giả Vương để khi về nước, Giả Vương cấp cho đồn tướng Phạm Quang Chương. Vua Thanh lại dặn : “An Nam và Việt Đông giáp liền nhau về mặt biển, hễ gặp có thuyền cướp trốn nấp ở miền Duyên hải thuộc bờ cõi của Quốc Vương thì Quốc Vương cần nên sức bảo các trấn mục đồn tướng tiểu bắt nghiêm ngặt. Nếu chúng chống sự bắt bớ thì cứ việc giết đi, chứ đừng nên cho làm người Trung Quốc mà còn e dè, miễn là cốt giữ cho yên ở mặt biển”⁽¹⁾.

Bấy giờ Ngô Văn Sở làm thủy quân đô đốc, Lê Văn Nhân làm đô đốc, sau khi tiếp công văn của nhà Thanh bảo hội binh tiểu giặc liền sai tướng đem binh lính đuổi bọn giặc Khách : giết chết hơn 20 tên, bắt sống được 2 tên, rồi giao hai tên bị bắt ấy cho Đề Sảnh⁽²⁾ nhà Thanh xét xử. Vua Thanh, để thưởng công cho các quan trong vụ này, có sai Phúc Khang An đem tặng các thứ như : nhiễu, chè tàu, ngân bài, v.v...⁽³⁾.

ĐỐI VỚI TIÊM LA

¹ Theo Đông Hoa toàn lục, quyển 112, tờ 19.

² Một cơ quan tư pháp đời Thanh.

³ Theo Đông Hoa toàn lục, quyển 113, tờ 15.

Tây Sơn nổi lên từ năm tân mao (1771), ban đầu còn đụng chạm với chúa Nguyễn ở Thuận, Quảng, rồi cuộc chiến cứ lan rộng ra khắp Gia Định Lục tỉnh, sau tràn đến cả những đảo Phú Quốc, Côn Lôn... Cuộc thua chạy của Nguyễn Ánh ở Nam Hà đã rước quân Tiêm đặt chân lên đất Lục tỉnh cũng như cuộc bôn ba của Lê Chiêu Thống ở Bắc Hà đã đưa quân Thanh đến đóng ở thành Thăng Long.

Nguyên từ hồi Long Xuyên ⁽¹⁾ thất thủ. Nguyễn Ánh đã sai Mạc Thiên Tứ và Tôn Thất Xuân sang Tiêm cầu cứu. Đến tháng sáu, năm mậu tuất (1778), chúa Nguyễn lại sai cai cơ Lưu Phúc Trung sang Tiêm tu hiếu và hỏi tin tức Thiên Tứ.

Năm giáp thìn (1784), như trước đã nói Nguyễn Ánh qua Tiêm La cầu viện. Bọn tướng Tiêm là Chiêu Tăng, Chiêu Sương ⁽²⁾ đem 2 vạn thủy binh và 3 trăm chiến thuyền sang Nam. Bảy giờ Trương Văn Đa, phò mã Tây Sơn, đang đóng giữ Gia Định, vội vàng cáo cấp với Nguyễn Huệ hỏi ấy còn làm Long Nhượng tướng quân. Long Nhượng tướng quân bèn làm theo mưu kế của Lê Xuân Giác : đem hết quân cứng mạnh đặt mai phục ở Xoài Mút ⁽³⁾ (thuộc Định Tường) bên Rạch Gầm ⁽⁴⁾, rồi dùng chước như quân Tiêm đến.

Quân Tiêm La đã không thuộc đường đất lại quen mùi mấy trận thắng lợi ban đầu, cứ đổ róc xuống Mỹ Tho – Long Nhượng tướng quân

¹ Vùng đất Cà Mau hiện nay (1951). Đùng lằm với tỉnh Long Xuyên hiện nay.

² Hai cháu của Tiêm.

³ Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, quyển 30 tờ 11b, dịch ra tên chữ nho là “Xuy Miệt” và “Sầm Giang”.

⁴ (— nt —)

liền thúc quân thủy, quân bộ đổ ra đánh úp : Tiêm binh đại bại, chỉ còn vài nghìn quân Tàu, theo đàng núi Chân Lạp, neho nhóc trốn về ⁽¹⁾.

Sau trận thua năm giáp thìn (1784) này, người Tiêm sợ Tây Sơn như sợ cọp ⁽²⁾.

Vì những việc đã xảy ra như thế, nên Tây Sơn và Tiêm La hồi ấy thường có những chuyện xích mích trên đường bang giao.

Đến năm canh tuất (1790), vua Quang Trung đã giảng hòa với Mãn Thanh, có phái sứ bộ sang Thanh để gây mối thiện cảm.

Trong lúc đó sứ ta và sứ Tiêm gặp nhau ở khuyết đình nhà Thanh, hai bên cùng dự yến tiệc đến gần hai tuần, thế mà vẫn không có hình tích một chút nào cả. Và, trong khi cùng liệt ở triều ban bên Thanh, đâu đấy noi theo điển nghi, ai nấy túc mục, sứ ta, cũng như sứ Tiêm, cả hai đều lãng quên những tư hiềm về việc nước ⁽³⁾

ĐỐI VỚI AI LAO VÀ DIỄN ĐIỆN

Ai Lao (Lào) ở về phía tây nước ta. Xưa, về đời vua Lý Thánh Tông (1054-1072), năm Long Chương Thiên Tự thứ hai (1067), Lào mới bắt đầu sang ta dâng lễ cống. Sau đó lại không thông hiếu nữa. Năm Hưng Long thứ năm (1297) đời vua Trần Anh Tông (1293-1314), Ai Lao xâm

¹ Tháng tư, năm ất ty (1785), Nguyễn Ánh sang thành Vọng Các (Tiêm La). Vua Tiêm hỏi có tướng Tiêm bị thua. Chúa Nguyễn kể rõ sự trạng Tăng, Sương, tàn bạo, làm dân ta oán, cho nên mới phải đại bại. Vua Tiêm nổi giận, toan chém Tăng, Sương ; nhưng nhờ có Nguyễn vương can ngăn, nên bọn ấy được tha.

² Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập quyển 52, tờ 6a.

³ Đông Hoa toàn lục quyển 111, tờ 4b-5b.

lần Long Giang ⁽¹⁾, Phạm Ngũ Lão đem quân đánh phá quân Lào, lấy lại được chỗ đất người Lào đã chiếm.

Khi Bình Định vương Lê Lợi mới khởi nghĩa (1418), đánh giặc Minh, người Lào có kết hiếu với ta. Sau vì có hiềm khích, Ai Lao đem quân đánh úp dinh trại của Lê Lợi, Ngài đốc quân đánh lại, phá tan được quân Lào. Từ đó, giữa ta và Lào, đứt hẳn sợi dây giao hiếu.

Cuối đời Lê mới bắt đầu gọi nước Ai Lao là Vạn Tượng.

Đời chúa Hi Tông triều Nguyễn, năm thứ chín, đặt Ai Lao doanh để giao thông với các bộ lạc ở phía Tây Bắc, Quốc trưởng Ai Lao mới sai sứ dâng biểu, xưng phiên, sửa lễ cống ⁽²⁾.

Năm tân hợi (1791), vua Quang Trung vì thấy Chiêu An, quốc trưởng Ai Lao, không dâng cống, bèn sai Nghệ An Đốc trấn Trần Quang Diệu làm đại tư lệ, đem hơn vạn quân sang đánh phá nước Lào. Vua Ai Lao cự chiến không nổi, phải kéo quân trốn. Bọn Diệu vào trong thành, thu hết vàng, bạc, của báu, ngựa, voi đem về và chia quân ở lại đóng giữ nước Vạn Tượng ⁽³⁾.

Trong khi vua Quang Trung trị vì, chẳng những Ai Lao phải thông sứ, tu cống, mà cả nước Diên Điện cũng sai sứ dò đường duyên biên châu Hưng Hóa vào thông hiếu với ta nữa. ⁽⁴⁾

Hết **PHẦN MƯỜI MỘT** , Xin Trở Lại: <http://minhtrietviet.net/muc-luc/>

¹ Có lẽ là sông Long Môn trên sông Bờ.

² Theo Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ lập, (sách in của trường Bác Cổ, số A. 2771), quyển 33, tờ 27a-28b và An Nam Nhất Thống Chí.

³ — nt —

⁴ Theo Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập, quyển 33, tờ 2a.